

Số: **61** /2018/ HNGĐ-ST

Ngày 27/9/2018

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BV - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Dung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Vinh** và Bà **Đặng Thị Minh Anh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Thư ký Tòa án nhân huyện BV

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BV tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện BV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463 /2018/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp “ xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 09 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987

HKTT: Thôn PX 3, xã PC, huyện BV, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn K D - xã Đ Đ - huyện PC - tỉnh Hưng Yên.

- **Bị đơn:** Anh Lê Minh N1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn PX 3, xã PC, huyện BV, thành phố Hà Nội

(*Chị N, anh N1 có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Minh N1 ngày 24/4/2007 trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC - huyện BV - TP Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống tại gia đình nhà chị ở thôn KD - xã Đ Đ - huyện PC- tỉnh Hưng Yên. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tình tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, chồng chị không quan tâm đến chị và các con, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc đã kéo dài nhiều năm nhưng chị cố gắng chịu đựng vì các con nhưng anh N1 vẫn không thay đổi vì vậy hai vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện BV giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Minh N1.

Về con chung: Có 03 con chung, cháu Lê Thị Như Q - sinh ngày 01/10/2007; cháu Lê Minh Đ - sinh ngày 05/6/2010 và cháu Lê Công T - sinh ngày 02/10/2014 từ nhỏ cho đến đầu tháng 8/2018 các cháu đều ở với chị và do chị chăm sóc các cháu. Đến tháng 8/2018 do mâu thuẫn vợ chồng đình đám anh N đã đưa các cháu về nhà anh ở xã PC ở chị không đồng ý cho các cháu đi thì anh N1 gây sức ép buộc chị phải để các cháu đi vì sự an toàn của các cháu. Khi giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng xin nuôi cả ba cháu nếu anh N1 muốn nuôi các cháu chị để anh N1 nuôi cháu Lê Minh Đ, chị xin nuôi cháu Q và cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay chị đang làm tại Công ty Trách nhiệm TT thu nhập bình quân hàng tháng là 7 triệu đến 10 triệu đồng/ 1 tháng .

Về tài sản riêng: Không có.

Về tài sản chung, công sức chung: Không có.

Về công nợ chung: Không có.

Bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh Lê Minh N1 trình bày: Anh kết hôn với chị N ngày 22/4/2007 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC. Sau khi kết hôn anh và chị N chung sống với nhau tại gia đình nhà anh một thời gian ngắn thì chuyển về nhà chị Nhung ở HY ở cho đến tháng 6/2018 thì anh chuyển về nhà anh tại xã PC sinh sống. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được 11 năm, vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì. Nhưng cách đây mấy tháng thì hai vợ chồng không cùng quan điểm trong một số công việc, không thống nhất được dẫn đến hai vợ chồng không quan tâm đến nhau, anh nghĩ đây là lý do mà chị N xin ly hôn, anh vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải cho anh và chị N về đoàn tụ. Chị N kiên quyết xin ly hôn anh đã nói chuyện với

chị N và gia đình chị N nhưng chị N vẫn không thay đổi, kiên quyết xin ly hôn anh, nguyện vọng của anh vẫn mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung, cháu Lê Thị Như Q - sinh ngày 01/10/2007; Lê Minh Đ - sinh ngày 05/6/2010 và Lê Công T - sinh ngày 02/10/2014, từ khi sinh ra các cháu đều ở cùng anh và chị N đến tháng 6/2018 anh đưa các cháu về PC ở. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn theo đơn xin ly hôn đơn phương của chị N thì anh xin được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi các cháu, anh làm nghề cơ khí tại nhà, thu nhập khoảng 8 đến 9 triệu đồng một tháng.

Về tài sản riêng: Không có.

Về tài sản chung, công sức chung: Không có.

Về công nợ chung: Không có.

Bản tự khai của cháu Lê Thị Như Q trình bày: Hiện nay cháu là học sinh lớp 6 trường Trung học cơ sở xã PC, cháu mới chuyển về trường từ tháng 8/2018, cháu học từ lớp 1 đến lớp 5 tại trường tiểu học xã ĐĐ - huyện PC. Nay bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là xin ở với mẹ vì từ nhỏ cháu ở với mẹ, mẹ cháu quan tâm chăm sóc, yêu thương cháu và hai em, đây là sự tự nguyện của cháu không bị ai ép buộc.

Bản tự khai của cháu Lê Minh Đ trình bày: Hiện nay cháu là học sinh lớp 3 trường Trung học cơ sở xã PC, cháu mới chuyển về trường từ tháng 8/2018, cháu học từ lớp 1 đến lớp 2 tại trường tiểu học xã ĐĐ - huyện PC. Nay bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là xin ở với bố, đây là sự tự nguyện của cháu không bị ai ép buộc.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải: các đương sự không có chứng cứ gì cung cấp thêm cho tòa án. Chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn anh N1, anh N1 tha thiết xin đoàn tụ nhưng bản thân không có biện pháp cải thiện tình cảm. Về con chung: Chị N và anh N1 đều trình bày anh chị có 03 con chung là cháu Lê Thị Như Q - sinh ngày 01/10/2007; cháu Lê Minh Đ - sinh ngày 05/6/2010 và cháu Lê Công T - sinh ngày 02/10/2014. Chị N và anh N1 đều có nguyện vọng xin nuôi cả ba cháu và hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản riêng; Về tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: hai bên xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Chị N xác định tình cảm vợ chồng chị không còn, vợ chồng không thể

tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh Lê Minh N1 nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con nhưng nếu chị N tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn thì anh cũng nhất trí. Về con chung: Chị N và anh N1 đều thừa nhận vợ chồng có 03 con chung: cháu Lê Thị Như Q - sinh ngày 01/10/2007; cháu Lê Minh Đ - sinh ngày 05/6/2010 và cháu Lê Công T - sinh ngày 02/10/2014. Chị N và anh N1 đều có nguyện vọng xin nuôi cả ba cháu. Nếu cháu Đ xin được ở với anh N1 chị N cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên chị N và anh N1 đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BV, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

*Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BV, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo quy định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án thụ lý đúng theo thẩm quyền theo quy định tại điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Nguyễn Thị N. Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Minh N1.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Lê Thị Như Q - sinh ngày 01/10/2007, Lê Minh Đ - sinh ngày 05/6/2010; Lê Công T - sinh ngày 02/10/2014. Giao cho chị Nguyễn Thị N được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Như Q và Lê Công T cho đến khi cháu Q, Th trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Giao cho anh Lê Minh N1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Minh Đ cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N và anh N1 vì hai bên không yêu cầu.

Về tài sản riêng: Không có.

Về tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Không có
Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị N có làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện BV - thành phố Hà Nội giải quyết hôn nhân giữa chị và anh Lê Minh N1. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BV - TP. Hà Nội.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Minh N1 kết hôn ngày 24/4/2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC - huyện BV là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình nhà chị N. Theo chị N trình bày cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh N1 không quan tâm chăm sóc đến chị và các con, cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh Lê Minh N1 xác định vợ chồng chung sống thường xuyên cãi vã nhau nhưng đó chỉ là việc bàn bạc làm ăn trong cuộc sống anh thấy vợ chồng anh vẫn hạnh phúc nhưng mấy tháng gần đây thì hai vợ chồng không cùng quan điểm trong một số công việc, không thống nhất được dẫn đến hai vợ chồng không quan tâm đến nhau hai bên lạnh nhạt anh đã bỏ gia đình chị N trở về nhà bố mẹ đẻ của anh tại xã PC sinh sống. Nhưng thời gian đó nguyện vọng của anh vẫn mong muốn được đoàn tụ nên anh cũng đã khuyên chị về để nuôi các con nhưng chị N không nghe và làm đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa anh Lê Minh N1 nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con nhưng nếu chị N tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn thì anh cũng nhất trí. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh N1 là trầm trọng, vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án tiến hành hòa giải hai lần

nhưng lần thứ hai anh N1 mong muốn đoàn tụ nhưng bỏ về không tham gia hòa giải, hai vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm từ tháng 01/2018 cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn. Xét yêu cầu của anh N1 xin đoàn tụ vợ chồng là hợp pháp nhưng quá trình chung sống và thời gian sống ly thân anh Ngọc đã dùng các biện pháp khuyến bảo, nhờ cả gia đình hòa giải nhưng chị N vẫn không nghe, bản thân anh cũng không có biện pháp để cải thiện tình cảm. cũng không còn biện pháp nào để níu kéo được tình cảm vợ chồng về đoàn tụ được nữa anh cũng nhất trí ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Minh N1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Lê Thị Như Q - sinh ngày 01/10/2007; cháu Lê Minh Đ - sinh ngày 05/6/2010 và cháu Lê Công T - sinh ngày 02/10/2014.

Xét nguyện vọng xin nuôi cháu Lê Thị Như Q và cháu Lê Công T của chị N là hợp pháp. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay chị Nhung có công ăn việc làm và có thu nhập ổn định, cháu Q nguyện vọng xin ở với mẹ, cháu T còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Căn cứ vào điều 81 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thị Như Q và cháu Lê Công T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng xin nuôi cả ba cháu của anh N1 là hợp pháp, nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Q trên 7 tuổi nguyện vọng xin ở với mẹ, cháu T còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, mà cháu Q ở với chị N, cháu sẽ giúp chị N chăm sóc cháu T. Xét nguyện vọng của cháu Đ xin ở với bố. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Đ cho anh N1 nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Bác yêu cầu của anh N1 xin nuôi cả ba cháu, cháu Q và cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do vậy tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N và anh N1 cho đến khi chị N, anh N1 có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác. Hai bên có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản riêng; Tài sản chung; Công sức chung; Công nợ chung: Hai bên đều xác nhận không có. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị N và anh N1 có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Lê Minh N1.

Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Minh N1.

Về con chung: Có 03 con chung, cháu Lê Thị Như Q - sinh ngày 01/10/2007; cháu Lê Minh Đ - sinh ngày 05/6/2010 và cháu Lê Công T - sinh ngày 02/10/2014.

Giao cho chị Nguyễn Thị N được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Như Q và Lê Công T cho đến khi cháu Q và cháu Lê Công T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Giao cho anh Lê Minh N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Minh Đạt cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N và anh N1 cho đến khi chị N hoặc anh N1 có đơn yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị N và anh N1 có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản riêng: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về công sức chung: Không có.

Về công nợ chung: Không có

Về án phí dân sự sơ thẩm : Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị N đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008783 ngày 27/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị N phải nộp.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị N, anh N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện BV
- Chi cục THADS huyện BV
- Các đương sự
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung